TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khải**
Bà **Trần Thị Thanh Miên**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Xuân Giáp** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2020/TLST - HNGĐ ngày 09/12/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/02/2020 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Ông **Điểu K**, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**** Bị đơn:*** Bà **Thị L**, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Điểu K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, lo lắng cho nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, ông K đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 01 con chung là Thị N – sinh ngày 04/6/2018

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại Bản tự khai đề ngày 20/12/2019, bị đơn bà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Thị N – sinh ngày 04/6/2018

Bà đồng ý giao con chung cho ông K nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về tài sản chung: Bà và ông K tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn ông Điểu K được ly hôn với bị đơn bà Thị L. Giao con chung Thị N – sinh ngày 04/6/2018 cho ông Điểu K nuôi dưỡng, bà Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn ông Điểu K làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Thị L theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn bà Thị L có nơi cư trú tại thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Mặc dù ông K và bà L đều có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành được phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung:

[1].*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Điểu K và bà Thị L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 14/8/2017. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Ông K và bà L đều có lời khai xác định cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau nên cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự, xử cho ông K và bà L được ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và ý chí, nguyện vọng của đương sự.

[2]. *Về con chung:* Có 01 con chung là Thị N – sinh ngày 04/6/2018

Các bên đương sự đều thống nhất giao con chung cho ông K nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung:* Các đương sự đều có quan điểm tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điểu K.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Điểu K được ly hôn với bà Thị L.

2/ *Về con chung:* Giao con chung là Thị N – sinh ngày 04/6/2018 cho ông Điểu K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Điểu K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* ông Điểu K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 027377 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước. Ông K đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND H. P;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. P;*
- *UBND xã P, huyện PR;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*